

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Số 4291 -QĐ/HVBCTT

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thực hiện đôi sánh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Căn cứ Quyết định số 9019/QĐ-HVCTQG ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định thực hiện đôi sánh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc Học viện, công chức, viên chức trong Học viện Báo chí và Tuyên truyền và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGD (để chỉ đạo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, TTKT&ĐBCLĐT



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

QUY ĐỊNH

Về thực hiện đối sánh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 423/QĐ-HVBC TT ngày 19 tháng 9 năm 2022
của Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định các loại đối sánh, quy trình thực hiện đối sánh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (sau đây gọi là Học viện).
2. Đối tượng áp dụng của Quy định này bao gồm: các Phòng/Ban/Trung tâm và các Khoa/Viện đào tạo trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền (sau đây gọi chung là đơn vị) và các bên có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy định này, một số khái niệm được hiểu như sau:

1. Khái niệm: Đối sánh là hoạt động so sánh và đối chiếu của cơ sở giáo dục đại học/chương trình đào tạo với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục hoặc với cơ sở giáo dục đại học/ chương trình đào tạo khác được lựa chọn.
2. Các loại đối sánh áp dụng tại Học viện gồm:
 - a. Đối sánh Chiến lược phát triển Học viện;
 - b. Đối sánh Chương trình đào tạo;
 - c. Đối sánh kết quả đầu ra của người học;
 - d. Đối sánh hoạt động nghiên cứu khoa học;
 - e. Đối sánh hoạt động phục vụ cộng đồng;
 - f. Đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường.

Điều 3. Mục đích đối sánh

Đối sánh nhằm xác định được Học viện/chương trình đào tạo vị trí ở đâu, từ đó đưa ra mục tiêu, chỉ tiêu phù hợp; có kế hoạch cải tiến về kết quả, quá trình cho các hoạt động của Học viện/chương trình đào tạo.

Điều 4. Cấu trúc hệ thống Đảm bảo chất lượng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

1. Đối sánh nội bộ là đối sánh được thực hiện trong cùng một đơn vị so sánh theo từng năm, hoặc giữa các Chương trình đào tạo trong Học viện. Ví dụ như đối sánh giữa khóa trước, khóa sau của cùng CTĐT; giữa các CTĐT của Học viện.

2. Đối sánh bên ngoài là đối sánh được thực hiện dựa trên các Bộ tiêu chuẩn chất lượng bên ngoài Trường (trong nước, khu vực hoặc quốc tế), giữa các Trường/ chương trình đào tạo có sự tương đồng trong nước, khu vực và quốc tế.

Điều 5. Tiêu chuẩn đối sánh

Căn cứ theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng trong nước:

1. Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

2. Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Điều 6. Đối tượng đối sánh

Cơ sở giáo dục/Chương trình đào tạo trong nước được chọn làm đối sánh có sự tương đồng về sứ mạng, mục tiêu, loại hình đào tạo (bậc đại học, chính qui...), quy mô với Học viện/Chương trình đào tạo, đồng thời có các chỉ tiêu, kết quả trong các mảng (Đào tạo, Hợp tác quốc tế, Nghiên cứu khoa học, Phục vụ cộng đồng và Tài chính) tốt hơn.

CHƯƠNG II

THỰC HIỆN CÁC LOẠI ĐỐI SÁNH

Điều 7. Đối sánh thực hiện Chiến lược phát triển

1. Học viện thực hiện đối sánh các chỉ tiêu chiến lược để đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm đạt mục tiêu chiến lược và có biện pháp điều chỉnh phù hợp;
2. Văn phòng Đảng - Đoàn thể - Hội đồng Trường chịu trách nhiệm xây dựng công cụ, hướng dẫn và triển khai đối sánh chiến lược;
3. Phạm vi đối sánh: đối sánh nội bộ và đối sánh bên ngoài theo Điều 4;
4. Thời gian thực hiện: 02 năm/lần.

Điều 8. Đối sánh chương trình đào tạo

1. Các chương trình đào tạo thực hiện điều chỉnh lớn theo Kế hoạch của Học viện phải thực hiện đối sánh Mục tiêu, Chuẩn đầu ra, Cấu trúc chương trình đào tạo, môn học của Chương trình đào tạo với các Chương trình đào tạo trong nước và quốc tế;
2. Ban Quản lý đào tạo chịu trách nhiệm xây dựng biểu mẫu và hướng dẫn triển khai thực hiện đối sánh chương trình đào tạo;
3. Phạm vi đối sánh: đối sánh nội bộ và đối sánh bên ngoài theo Điều 4;
4. Thời gian thực hiện: 02 năm/lần.

Điều 9. Đối sánh kết quả đầu ra của người học

1. Học viện thực hiện theo dõi, đối sánh kết quả đầu ra người học, gồm: Tỷ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỉ lệ có việc làm, và thời gian tốt nghiệp trung bình;
2. Ban Quản lý đào tạo chịu trách nhiệm chính xây dựng biểu mẫu và hướng dẫn triển khai thực hiện đối sánh kết quả đầu ra của người học của tất cả các chương trình đào tạo trong toàn Học viện;
3. Các Khoa/Viện đào tạo chịu trách nhiệm chính triển khai thực hiện đối sánh kết quả đầu ra của người học theo từng chương trình đào tạo do đơn vị quản lý;
4. Phạm vi đối sánh: đối sánh nội bộ và đối sánh bên ngoài theo Điều 4;
5. Thời gian thực hiện: từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm.

Điều 10. Đối sánh về hoạt động Nghiên cứu khoa học

1. Học viện thực hiện đối sánh hoạt động nghiên cứu khoa học, bao gồm: (i) loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu và sinh viên, (ii) về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn, (iii) loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, (iv) đối sánh, điều chỉnh về ngân sách cho từng loại hoạt động nghiên cứu hàng năm và (v) kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyên giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp);

2. Ban Quản lý khoa học chịu trách nhiệm chính xây dựng các công cụ, thực hiện triển khai các hoạt động đối sánh nghiên cứu khoa học theo nội dung khoản 1;

3. Phạm vi đối sánh: đối sánh nội bộ và đối sánh bên ngoài theo Điều 4;

4. Thời gian thực hiện đối sánh: từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm.

Điều 11. Đối sánh hoạt động Phục vụ cộng đồng

1. Học viện thực hiện đối sánh hoạt động Phục vụ cộng đồng, bao gồm: loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội, tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động phục vụ cộng đồng;

2. Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên chịu trách nhiệm chính xây dựng các công cụ, thực hiện triển khai các hoạt động đối sánh hoạt động Phục vụ cộng đồng;

3. Phạm vi đối sánh: đối sánh nội bộ và đối sánh bên ngoài theo Điều 4;

4. Thời gian thực hiện đối sánh: từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm.

Điều 12. Đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường

1. Học viện thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng;

2. Ban Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng công cụ, hướng dẫn và triển khai hoạt động đối sánh kết quả và chỉ số tài chính, chỉ số thị trường;

3. Phạm vi đối sánh: đối sánh nội bộ và đối sánh bên ngoài theo Điều 4;

4. Thời gian thực hiện đối sánh: Đối sánh chỉ số tài chính được thực hiện hàng năm. Đối sánh chỉ số thị trường được thực hiện 02 năm/lần.

CHƯƠNG III

QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Điều 13. Đối sánh được thực hiện 02 năm/ 1 lần

1. Bước 1: Đơn vị phụ trách chính loại đối sánh làm Tờ trình đề xuất nhân sự để thành lập Tổ công tác;
2. Bước 2: Tổ công tác lập kế hoạch thực hiện việc đối sánh;
3. Bước 3: Tổ công tác xây dựng và phổ biến các tiêu chí cụ thể để lựa chọn đơn vị cho việc đối sánh;
4. Bước 4: Tổ công tác thực hiện việc đối sánh, thu thập và phân tích thông tin với đơn vị đã lựa chọn (cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo);
5. Bước 5: Tổ công tác viết Báo cáo đối sánh, trong đó nêu rõ các nội dung cần thực hiện để cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đối sánh báo cáo lãnh đạo Học viện.

Điều 14. Đối sánh được thực hiện định kỳ hàng năm

1. Bước 1: Tháng 01 hàng năm, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo xây dựng Kế hoạch tổng thể thực hiện đối sánh trong toàn Học viện trình Ban Giám đốc ký ban hành;
2. Bước 2: Tháng 10 hàng năm, các khoa thực hiện Báo cáo năm về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, trong đó thực hiện đối sánh với chính khoa/viện đào tạo so với năm trước và với đối tác trong và ngoài nước mà khoa/viện đào tạo đã chọn để đối sánh.
3. Bước 3: Tháng 11 hàng năm, căn cứ trên báo cáo hoạt động của các khoa/viện đào tạo, các đơn vị phụ trách từng loại đối sánh thực hiện các Báo cáo đối sánh, trong đó nêu rõ các nội dung cần thực hiện để cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đối sánh báo cáo lãnh đạo Học viện.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm các đơn vị thực hiện

1. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm:
 - Lập kế hoạch tổng thể thực hiện đối sánh trong toàn Học viện trình Ban Giám đốc ký ban hành, theo dõi và giám sát triển khai Kế hoạch;
 - Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện đối sánh trước Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện.
2. Ban Quản lý đào tạo chịu trách nhiệm:
 - Lập Kế hoạch, triển khai, giám sát và báo cáo thực hiện đối sánh về chương trình đào tạo và kết quả đầu ra của người học;
 - Giám sát việc thực hiện đối sánh tại các Khoa về chương trình đào tạo: Mục tiêu, Chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình đào tạo, các học phần;
 - Gửi báo cáo đối sánh và dữ liệu đối sánh về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo để tổng hợp và báo cáo trước Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện.
3. Ban Quản lý khoa học chịu trách nhiệm:
 - Lập kế hoạch, triển khai, giám sát và báo cáo thực hiện đối sánh về nghiên cứu khoa học;
 - Gửi báo cáo đối sánh và dữ liệu đối sánh về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo để tổng hợp và báo cáo trước Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện.
4. Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên chịu trách nhiệm:
 - Lập kế hoạch, triển khai, giám sát và báo cáo thực hiện đối sánh phục vụ cộng đồng về: loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội, tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội;

➤ Gửi báo cáo đối sánh và dữ liệu đối sánh về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo để tổng hợp và báo cáo trước Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện.

5. Ban Kế hoạch Tài chính chịu trách nhiệm:

➤ Lập kế hoạch, triển khai, giám sát và báo cáo thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng;

➤ Gửi báo cáo đối sánh và dữ liệu đối sánh về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo để tổng hợp và báo cáo trước Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện.

6. Các Khoa/Viện đào tạo chịu trách nhiệm:

➤ Thực hiện đối sánh về (i) Hoạt động đào tạo (gồm chương trình đào tạo: Mục tiêu, Chuẩn đầu ra, Cấu trúc chương trình đào tạo, các học phần; tỷ lệ người học: thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, có việc làm, thời gian tốt nghiệp trung bình); (ii) hoạt động nghiên cứu khoa học và (iii) phục vụ cộng đồng theo Kế hoạch chung của Học viện để làm cơ sở cải tiến chất lượng.

Điều 16. Kinh phí thực hiện hoạt động đối sánh

1. Kinh phí triển khai các hoạt động đối sánh được trích từ kế hoạch tài chính hàng năm của các đơn vị thực hiện.

2. Khi lập kế hoạch tài chính hàng năm, các đơn vị (được phân công phụ trách loại đối sánh tương ứng) phải đưa hạng mục đối sánh vào.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn